

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2023
V/v: “Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Chung Quốc Hội**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

2. Ông **Ngô Rạng Đông**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Văn Chung** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc:** Ông **Lê Văn Chung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 236/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn số: 13/2023-QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc X**, sinh năm 1988 (Vắng mặt lần thứ hai).

Địa chỉ: Ấp E, xã F, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Quốc X tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Z vào ngày 12/11/2013.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Phát T, sinh ngày 13/11/2014 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 26/10/2021.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tôn trọng lẫn nhau, ông X bỏ bê gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, ngược lại thường xuyên có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, chính chồng của những người phụ nữ này trực tiếp thông báo cho bà H. Đồng thời ông X cũng công khai chuyện ngoại tình trên mạng xã hội và công khai với bạn bè của hai vợ chồng dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, hiện không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông X.

Về con chung: Bà X yêu cầu được nuôi 02 người con tên Nguyễn Phát T, sinh ngày 13/11/2014 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 26/10/2021, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà X xác nhận vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc X được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông X và cũng không hòa giải được vụ án.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và thu thập đầy đủ chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán giải quyết vụ án đúng thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu tham gia phiên tòa đảm bảo đúng quy định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa dân sự sơ thẩm theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông X. Giao cho bà H tiếp tục nuôi 02 con tên Nguyễn Phát Tài, sinh ngày 13/11/2014 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 26/10/2021, bà H không yêu cầu cấp dưỡng, đề nghị miễn xét. Bà H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu vắng mặt, ông Nguyễn Quốc X vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Quốc X.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà H, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc X có nơi cư trú tại ấp E, xã F, thành phố C, tỉnh Kiên Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông X tự nguyện yêu th nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/11/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn: Theo lời trình bày của X thể hiện trong hồ sơ vụ án thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, ông X bỏ bê gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con và có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, hiện không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay.

Theo biên xác minh ngày 01/01/2023 của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L cho rằng quá trình chung sống vợ chồng bà H và ông X thường phát sinh mâu thuẫn, ông X quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, hiện nay bà H và ông X không còn sống chung với nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà H và ông X là trầm trọng, không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông X.

[4] Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phát T, sinh ngày 13/11/2014 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 26/10/2021.

Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của cháu T ngày 22/02/2023, thể hiện cháu muốn tiếp tục sống cùng với bà H. Đối với cháu Như Y còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện nay do bà H chăm sóc; đồng thời, bà H có nguyện vọng được nuôi cả hai người con chung. Sau khi xem xét nguyện vọng, điều kiện sống và sinh hoạt của các cháu, Hội đồng xét xử giao cho bà H tiếp tục nuôi cháu T và Như Y đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này ông X có tranh chấp về tài sản chung vợ chồng với bà H thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Bà H cam kết vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 238; 266, 271; 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc X.

2. Về con chung: Giao cho bà H tiếp tục nuôi 02 người con tên Nguyễn Phát T, sinh ngày 13/11/2014 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 26/10/2021 đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà H và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con, trường hợp cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà H cam kết vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này ông X có tranh chấp về tài sản chung vợ chồng với bà H thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng. Bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000591 ngày 18/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, khấu trừ vào tiền án phí, bà H đã nộp xong, không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà H, ông X vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Phú Quốc;
- Chi cục THADS Tp. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Quốc Hội